

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---&---



HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Tên gói thầu:

Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất Hội trường PTSC Thanh Hóa tại phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Phát hành ngày:

.....

Ban hành kèm theo Quyết định:

.....

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

Công ty Cổ phần

Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa

Chương I. BẢNG DỮ LIỆU

Stt	Nội dung dữ liệu
1	Tên Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa
2	Tên gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất Hội trường PTSC Thanh Hóa tại phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa Địa điểm: Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu: Vốn sản xuất kinh doanh/khác.
4	Điều kiện về cấp doanh nghiệp: Không áp dụng.
5	Tổ chức khảo sát hiện trường: Chủ đầu tư không tổ chức khảo sát hiện trường, nhà thầu tham gia chào giá được phép khảo sát hiện trường dự án thực hiện gói thầu làm cơ sở cho việc chào giá gói thầu.
6	Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá là: ≥ 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng hồ sơ chào giá.
7	Phương pháp đánh giá Hồ sơ chào giá là: Áp dụng phương pháp giá thấp nhất.
8	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá chào giá sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
9	Địa chỉ của Chủ đầu tư: 268 Trần Nhật Duật, phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
10	Thời hạn nộp hồ sơ chào giá: Từ ngày 25/11/2024 đến 15h00 ngày 28/11/2024.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Tiêu chuẩn đánh giá tính pháp lý

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về tính pháp lý được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về tính pháp lý khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đăng ký kinh doanh của nhà thầu có ngành nghề phù hợp với phạm vi công việc của gói thầu.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo **Mẫu số 03 Chương III**. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng chào giá của hàng hóa và không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này. Trường hợp phạm vi cung cấp chỉ bao gồm một đơn vị hàng hóa (một chiếc, một cái...) thì nhà thầu không được liên danh với nhà thầu khác; trường hợp nhà thầu vẫn liên danh thì thỏa thuận liên danh được coi là không hợp lệ, nhà thầu sẽ bị loại

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Nhà thầu tham gia chào giá phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (Nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn chào giá khi nhà thầu nộp Hồ sơ chào giá).

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

a) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các **Mẫu số 04A, 04B, 04C Chương III**. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị loại.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng hồ sơ chào giá. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo **Mẫu số 4A Chương III** để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn
1	Giám sát sản xuất	01	≥ 03 năm	Kiến trúc sư
2	Giám sát thi công lắp đặt	01	≥ 03 năm	Kỹ sư/Kiến trúc sư

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các **Mẫu số 04A, 04B, 04C Chương III**.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá về giá.

Các tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được đánh giá theo phương pháp đạt/ không đạt.

Hồ sơ chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Stt	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa phù hợp và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá	Đạt
		Không có đặc tính, thông số kỹ thuật hoặc có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa không phù hợp, không đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá	Không đạt
2	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì	Thời gian bảo hành ≥ 18 tháng.	Đạt
		Thời gian bảo hành < 18 tháng.	Không đạt
3	Tiến độ cung cấp hàng hóa	Có tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.	Đạt
		Không có tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật trong Hồ sơ mời chào giá.	Không đạt
4	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu và thực hiện	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Đạt

các hợp đồng tương tự trước đó trong thời gian 3 năm: 2021, 2022, 2023	Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Không đạt
--	---	-----------

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

Áp dụng phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1: Xác định giá trị chào giá, giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2: Xếp hạng nhà thầu: Hồ sơ chào giá có giá trị sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương III. PHỤ LỤC - CÁC BIỂU MẪU

Stt	Biểu mẫu	Trách nhiệm thực hiện	
		BPMS	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Phạm vi cung cấp hàng hóa	X	
2	Mẫu số 02. Đơn chào giá		X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh		X
4	Mẫu số 04A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt		X
5	Mẫu số 04B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt		X
6	Mẫu số 04C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn		X
7	Mẫu số 05. Bảng tiến độ cung cấp		X
8	Mẫu số 06. Bảng giá chào giá của hàng hóa		X

PHẠM VI CUNG CẤP

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽¹⁾	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽²⁾	
						Ngày giao hàng sớm nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>	Ngày giao hàng muộn nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>
1	Cung cấp lắp đặt vách V.1.1	m2	5,66	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
2	Cung cấp lắp đặt vách V.1.2	m2	1,74	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
3	Cung cấp lắp đặt vách V.1.3	m2	1,63	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
4	Cung cấp lắp đặt vách V.1.4	m2	12,18	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
5	Cung cấp lắp đặt vách V.1.5	m2	20,88	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
6	Cung cấp lắp đặt vách V.1.6	m2	10,22	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
7	Cung cấp lắp đặt vách V.1.7	m2	10,22	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
8	Cung cấp lắp đặt vách V.1.8	m2	4,74	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
9	Cung cấp lắp đặt vách V.1.9	m2	10,96	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày

10	Cung cấp lắp đặt vách V.2.1	m2	8,18	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
11	Cung cấp lắp đặt vách V.2.2	m2	8,05	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
12	Cung cấp lắp đặt vách V.3.1	m2	9,83	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
13	Cung cấp lắp đặt vách V.3.2	m2	6,96	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
14	Cung cấp lắp đặt vách V.3.3	m2	10,79	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
15	Cung cấp lắp đặt vách V.3.4	m2	14,79	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
16	Cung cấp lắp đặt vách V.3.5	m2	10,79	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
17	Cung cấp lắp đặt vách V.3.6	m2	5,59	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
18	Cung cấp lắp đặt vách V.3.7	m2	8,59	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
19	Cung cấp lắp đặt vách V.3.8	m2	8,59	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
20	Cung cấp lắp đặt vách V.3.9	m2	5,57	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
21	Cung cấp lắp đặt vách V.3.10	m2	10,79	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
22	Cung cấp lắp đặt vách V.3.11	m2	14,79	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
23	Cung cấp lắp đặt vách V.3.12	m2	10,79	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày

24	Cung cấp lắp đặt vách V.3.13	m2	6,96	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
25	Cung cấp lắp đặt vách V.4.1	m2	7,40	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
26	Cung cấp lắp đặt vách V.4.2	m2	7,40	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
27	Cung cấp lắp đặt vách V.4.3	m2	7,40	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
28	Cung cấp lắp đặt vách V.4.4	m2	7,40	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
29	Cung cấp lắp đặt vách V.4.5	m2	7,40	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
30	Cung cấp lắp đặt vách V.4.6	m2	2,83	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
31	Cung cấp lắp đặt vách V.4.7	m2	2,83	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
32	Cung cấp lắp đặt vách V.4.8	m2	2,83	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
33	Cung cấp lắp đặt vách V.4.9	m2	2,83	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
34	Cung cấp lắp đặt vách V.4.10	m2	7,40	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
35	Cung cấp lắp đặt vách V.4.11	m2	7,40	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
36	Cung cấp lắp đặt vách V.4.12	m2	7,40	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
37	Cung cấp lắp đặt vách V.4.13	m2	7,40	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày

38	Cung cấp lắp đặt vách OK.01	m2	15,66	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
39	Cung cấp lắp đặt khung sắt S.01, S.03	kg	426,36	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
40	Cung cấp lắp đặt nẹp 1 mặt trang trí cửa đi D3	md	9,32	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
41	Cung cấp lắp đặt cửa đi D2 (bao gồm khung học và cánh, bản lề, phào cánh)	bộ	1,00	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
42	Cung cấp lắp đặt nẹp 1 mặt trang trí cửa đi D2	md	6,91	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
43	Cung cấp lắp đặt khóa cửa đi D2 - Huy Hoàng cỡ đại SS8510D	bộ	1,00	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
44	Cung cấp lắp đặt bộ chốt âm trên dưới cửa đi D2	bộ	1,00	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
45	Cung cấp lắp đặt cửa đi D1 (bao gồm khung và cánh, bản lề, phào cánh)	bộ	2,00	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
46	Cung cấp lắp đặt nẹp 2 mặt trang trí cửa đi D1	md	29,96	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
47	Cung cấp lắp đặt khóa cửa đi D1 - Huy Hoàng cỡ đại SS8510D	bộ	2,00	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
48	Cung cấp lắp đặt bục phát biểu B.03	cái	1,00	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
49	Cung cấp lắp đặt bục tượng bác B.04	cái	1,00	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
50	Cung cấp lắp đặt bộ chốt âm trên dưới cửa đi D1	bộ	2,00	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày

51	Cung cấp lắp đặt tấm sàn sân khấu, bậc thang, hông sân khấu SSK-01	m2	205,82	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
52	Cung cấp lắp đặt khung thép SSK-01	kg	2.045,50	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
53	Cung cấp lắp đặt khung thép LC.01	md	6,14	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
54	Cung cấp lắp đặt ốp gỗ trang trí vách màn hình LED VSK.01	m2	54,72	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
55	Cung cấp lắp đặt khung thép SMH.01	kg	225,58	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
56	Cung cấp lắp đặt khung thép gia cố vách màn hình phía trên trần thạch cao	kg	45,15	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
57	Cung cấp lắp đặt vách ốp bục sân khấu VSK.02	m2	20,05	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
58	Cung cấp lắp đặt khung thép S.02	kg	101,20	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
59	Cung cấp lắp đặt rèm vải nhung sân khấu R1, R2, R3	m2	134,09	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
60	Cung cấp lắp đặt motor rèm điều khiển tự động, ray rèm tự động	bộ	2,00	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
61	Cung cấp lắp đặt rèm cầu vồng hàn quốc MARIGOLD	m2	14,40	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
62	Cung cấp lắp đặt rèm vải nhung R4	m2	5,40	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày
63	Cung cấp lắp đặt đèn LED thanh nhôm định hình hắt vách	md	78,30	Theo yêu cầu nêu tại Chương IV	Phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	21 ngày	21 ngày

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____

Tên gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất nhà cư xá, thuộc dự án: Nội thất nhà cư xá

Kính gửi: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá, chúng tôi:

Tên nhà thầu: _____, số đăng ký doanh nghiệp: _____ cam kết thực hiện gói thầu Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất nhà cư xá, thuộc dự án: Nội thất nhà cư xá theo đúng yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với giá chào giá (tổng số tiền) là _____ cùng với Bảng giá chào giá của hàng hóa kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá chào giá với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá chào giá sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của Hồ sơ chào giá: _____

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng hồ sơ chào giá.

3. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

4. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ chào giá là trung thực.

5. Trường hợp trúng thầu, Hồ sơ chào giá tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

6. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ____

Gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất nhà cư xá

Thuộc dự án: Nội thất nhà cư xá

Căn cứ Hồ sơ mời chào giá Gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất nhà cư xá, thuộc dự án: Nội thất nhà cư xá

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____

Số đăng ký doanh nghiệp: ____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai:

Số đăng ký doanh nghiệp: ____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ____

Số đăng ký doanh nghiệp: ____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia chào giá gói thầu Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất nhà cư xá, thuộc dự án: Nội thất nhà cư xá.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*
- *Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*
- *Hình thức xử lý khác _____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].*

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất nhà cư xá, thuộc dự án: Nội thất nhà cư xá đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phân việc sau:

- *Nộp Hồ sơ chào giá cho cả liên danh.*
- *Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*
- *Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*
- *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá chào giá
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- _____	- _____%

		- ___	- ___%
2	Tên thành viên thứ 2	- ___ - ___	- ___% - ___%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
 2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất nhà cư xá, thuộc dự án: Nội thất nhà cư xá theo thông báo của Chủ đầu tư.
- Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
[xác nhận, chữ ký]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[xác nhận, chữ ký]

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/ Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/ Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/ cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>
					Ngày giao hàng sớm nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>	Ngày giao hàng muộn nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
...							

BẢNG GIÁ CHÀO GIÁ CỦA HÀNG HÓA

(áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ [ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]	Mã HS	Đơn giá chào giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(7)
	Hàng hóa thứ 1						M1
						
	Hàng hóa thứ n						Mn
Tổng cộng giá chào giá của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(M)

Ghi chú:

(5): Nhà thầu điền phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu;

(6): Trường hợp nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê, trường hợp nhà thầu không biết mã HS thì để trống;

(7): Nhà thầu điền;

(8): Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất Hội trường PTSC Thanh Hóa.
- Địa điểm: phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa.
- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh/khác.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 21 ngày.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

Vật tư phải đảm bảo đúng chủng loại theo quy định của Hồ sơ thiết kế, phải có giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) của nước sản xuất và chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (CQ), cụ thể như sau:

- ❖ Vật tư do nhà thầu nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài:
 - + Phiếu đóng gói tổng hợp nêu rõ chi tiết từng kiện hàng, chi tiết trong từng kiện hàng (P/L);
 - + Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O);
 - + Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất (C/Q);
 - + Vận đơn của hàng hóa.
- Vật tư nhập khẩu được nhà thầu mua trong nước:
 - + Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O);
 - + Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất (C/Q).
- ❖ Vật tư sản xuất trong nước:
 - + Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa của nhà sản xuất (C/Q).

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng, sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu.

Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Cung cấp lắp đặt vách V.1.1	- Kích thước: 2060x2180 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.1.1
2	Cung cấp lắp đặt vách V.1.2	- Kích thước: 400x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.1.2
3	Cung cấp lắp đặt vách V.1.3	- Kích thước: 375x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.1.3
4	Cung cấp lắp đặt vách V.1.4	- Kích thước: 2800x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.1.4
5	Cung cấp lắp đặt vách V.1.5	- Kích thước: 4800x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.1.5
6	Cung cấp lắp đặt vách V.1.6	- Kích thước: (3360x4350)-(2000x2200) mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.1.6
7	Cung cấp lắp đặt vách V.1.7	- Kích thước: (3360x4350)-(2000x2200) mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.1.7
8	Cung cấp lắp đặt vách V.1.8	- Kích thước: 1090x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.1.8
9	Cung cấp lắp đặt vách V.1.9	- Kích thước: (3760x4350)-(1500x3600) mm

		- Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.1.9
10	Cung cấp lắp đặt vách V.2.1	- Kích thước: 1800x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.2.1
11	Cung cấp lắp đặt vách V.2.2	- Kích thước: 1850x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.2.2
12	Cung cấp lắp đặt vách V.3.1	- Kích thước: 2260x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV kết hợp gỗ Plywood 17mm phủ Melamine mã 325EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.3.1
13	Cung cấp lắp đặt vách V.3.2	- Kích thước: 1600x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV kết hợp gỗ Plywood 17mm phủ Melamine mã 325EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.3.2
14	Cung cấp lắp đặt vách V.3.3	- Kích thước: 2480x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV kết hợp gỗ Plywood 17mm phủ Melamine mã 325EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.3.3
15	Cung cấp lắp đặt vách V.3.4	- Kích thước: 3400x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV kết hợp gỗ Plywood 17mm phủ Melamine mã 325EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.3.4
16	Cung cấp lắp đặt vách V.3.5	- Kích thước: 2480x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV kết hợp gỗ Plywood 17mm phủ Melamine mã 325EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.3.5
17	Cung cấp lắp đặt vách V.3.6	- Kích thước: 1285x4350 mm

		<ul style="list-style-type: none"> - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV kết hợp gỗ Plywood 17mm phủ Melamine mã 325EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.3.6
18	Cung cấp lắp đặt vách V.3.7	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 1975x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV kết hợp gỗ Plywood 17mm phủ Melamine mã 325EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.3.7
19	Cung cấp lắp đặt vách V.3.8	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 1975x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV kết hợp gỗ Plywood 17mm phủ Melamine mã 325EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.3.8
20	Cung cấp lắp đặt vách V.3.9	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 1280x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV kết hợp gỗ Plywood 17mm phủ Melamine mã 325EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.3.9
21	Cung cấp lắp đặt vách V.3.10	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 2480x4350 mm - Gỗ công nghiệp MDF chống ẩm dày 17mm phủ melamin mã màu chỉ định theo bản vẽ - Ký hiệu trên bản vẽ: V.3.10
22	Cung cấp lắp đặt vách V.3.11	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 3400x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV kết hợp gỗ Plywood 17mm phủ Melamine mã 325EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.3.11
23	Cung cấp lắp đặt vách V.3.12	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 2480x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV kết hợp gỗ Plywood 17mm phủ Melamine mã 325EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.3.12
24	Cung cấp lắp đặt vách V.3.13	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 1600x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV kết hợp gỗ Plywood 17mm phủ Melamine mã 325EV - Ký hiệu trên bản vẽ: V.3.13

25	Cung cấp lắp đặt vách V.4.1	- Kích thước: 1700x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 104SH - Ký hiệu trên bản vẽ: V.4.1
26	Cung cấp lắp đặt vách V.4.2	- Kích thước: 1700x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 104SH - Ký hiệu trên bản vẽ: V.4.2
27	Cung cấp lắp đặt vách V.4.3	- Kích thước: 1700x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 104SH - Ký hiệu trên bản vẽ: V.4.3
28	Cung cấp lắp đặt vách V.4.4	- Kích thước: 1700x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 104SH - Ký hiệu trên bản vẽ: V.4.4
29	Cung cấp lắp đặt vách V.4.5	- Kích thước: 1700x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 104SH - Ký hiệu trên bản vẽ: V.4.5
30	Cung cấp lắp đặt vách V.4.6	- Kích thước: 650x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 104SH - Ký hiệu trên bản vẽ: V.4.6
31	Cung cấp lắp đặt vách V.4.7	- Kích thước: 650x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 104SH - Ký hiệu trên bản vẽ: V.4.7
32	Cung cấp lắp đặt vách V.4.8	- Kích thước: 650x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 104SH - Ký hiệu trên bản vẽ: V.4.8
33	Cung cấp lắp đặt vách V.4.9	- Kích thước: 650x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 104SH - Ký hiệu trên bản vẽ: V.4.9
34	Cung cấp lắp đặt vách V.4.10	- Kích thước: 1700x4350 mm

		- Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 104SH - Ký hiệu trên bản vẽ: V.4.10
35	Cung cấp lắp đặt vách V.4.11	- Kích thước: 1700x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 104SH - Ký hiệu trên bản vẽ: V.4.11
36	Cung cấp lắp đặt vách V.4.12	- Kích thước: 1700x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 104SH - Ký hiệu trên bản vẽ: V.4.12
37	Cung cấp lắp đặt vách V.4.13	- Kích thước: 1700x4350 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 104SH - Ký hiệu trên bản vẽ: V.4.13
38	Cung cấp lắp đặt vách OK.01	- Kích thước: 180x4350x10 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: OK.01
39	Cung cấp lắp đặt khung sắt S.01, S.03	- Sắt hộp 25x25 dày 1.1mm - Ký hiệu trên bản vẽ: S01, S03
40	Cung cấp lắp đặt nẹp 1 mặt trang trí cửa đi D3	- Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ:
41	Cung cấp lắp đặt cửa đi D2 (bao gồm khung học và cánh, bản lề, phào cánh)	- Kích thước: 1500x2200 mm - Gỗ nhựa Composite Trần Gia mã EM152 hoặc tương đương - Ký hiệu trên bản vẽ: D2
42	Cung cấp lắp đặt nẹp 1 mặt trang trí cửa đi D2	- Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ:
43	Cung cấp lắp đặt khóa cửa đi D2 - Huy Hoàng cỡ đại SS8510D	- Mã: SS8510D - Nhãn hiệu: Huy Hoàng hoặc tương đương
44	Cung cấp lắp đặt bộ chốt âm trên dưới cửa đi D2	- Kích thước: 250mm - Inox 304 - Nhãn hiệu: Sheibei hoặc tương đương

45	Cung cấp lắp đặt cửa đi D1 (bao gồm khung và cánh, bản lề, phào cánh)	- Kích thước: 1500x2200 mm - Gỗ nhựa Composite Trần Gia mã EM152 hoặc tương đương - Ký hiệu trên bản vẽ: D1
46	Cung cấp lắp đặt nẹp 2 mặt trang trí cửa đi D1	- Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ:
47	Cung cấp lắp đặt khóa cửa đi D1 - Huy Hoàng cỡ đại SS8510D	- Mã: SS8510D - Nhãn hiệu: Huy Hoàng hoặc tương đương
48	Cung cấp lắp đặt bục phát biểu B.03	- Kích thước: 700x500x1080 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: B.03
49	Cung cấp lắp đặt bục tượng bác B.04	- Kích thước: 800x600x1330 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: B.04
50	Cung cấp lắp đặt bộ chốt âm trên dưới cửa đi D1	- Kích thước: 250mm - Inox 304 - Nhãn hiệu: Sheibei hoặc tương đương
51	Cung cấp lắp đặt tấm sàn sân khấu, bậc thang, hông sân khấu SSK-01	- Tấm bê tông nhẹ SCG ThaiLand 20MM hoặc tương đương - Ký hiệu trên bản vẽ: SSK-01
52	Cung cấp lắp đặt khung thép SSK-01	- Sắt hộp 100x100 dày 1.8mm, 50x100 dày 1.4mm, 30x60 dày 1.4mm - Ký hiệu trên bản vẽ: SSK-01
53	Cung cấp lắp đặt khung thép LC.01	- Sắt hộp 20x20 dày 1.1mm, 20x40 dày 1.1mm, 40x40 dày 1.1mm - Ký hiệu trên bản vẽ: LC.01
54	Cung cấp lắp đặt ốp gỗ trang trí vách màn hình LED VSK.01	- Kích thước: 9545x4000x100 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV, Gỗ MDF chống ẩm 9mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: VSK.01
55	Cung cấp lắp đặt khung thép SMH.01	- Kích thước: 9545x4000 mm

		- Sắt hộp 30x60 dày 1.4mm, 40x40 dày 1.4mm, 20x40 dày 1.1mm - Ký hiệu trên bản vẽ: SMH.01
56	Cung cấp lắp đặt khung thép gia cố vách màn hình phía trên trần thạch cao	- Sắt hộp 50x100 dày 1.4mm
57	Cung cấp lắp đặt vách ốp bực sân khấu VSK.02	- Kích thước: 12111x999x660 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: VSK.02
58	Cung cấp lắp đặt khung thép S.02	- Kích thước: 12111x999x660 mm - Gỗ MDF chống ẩm 17mm phủ Melamine mã 324EV - Ký hiệu trên bản vẽ: S.02
59	Cung cấp lắp đặt rèm vải nhung sân khấu R1, R2, R3	- Kích thước: (1000x4000)+(12000x4100)+(13200x4100) mm - Rèm vải nhung mã màu chỉ định theo bản vẽ - Ký hiệu trên bản vẽ: R1, R2, R3
60	Cung cấp lắp đặt motor rèm điều khiển tự động, ray rèm tự động	- Model: IH68-2/80-SC - Nhãn hiệu: IHome hoặc tương đương
61	Cung cấp lắp đặt rèm cầu vồng hàn quốc MARIGOLD	- Kích thước: 1500x2400 mm - Nhãn hiệu: MARIGOLD, GREENHOME hoặc tương đương
62	Cung cấp lắp đặt rèm vải nhung R4	- Kích thước: 1500x3600 mm - Rèm vải nhung mã màu chỉ định theo bản vẽ - Ký hiệu trên bản vẽ: R4
63	Cung cấp lắp đặt đèn LED thanh nhôm định hình hắt vách	- Thanh nhôm led định hình - Màu led trung tính

1.3. Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ:

- Tiến độ giao hàng và ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại Mẫu số 01 Chương III.

Mục 2. Bản vẽ

- Bản vẽ kiến trúc nội thất;
- Bản vẽ phối cảnh 3D.

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là nhà thầu có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do Nhà thầu đề xuất trong Hồ sơ chào giá và được Nhà thầu ký hợp đồng để thực hiện dịch vụ liên quan;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Hàng hóa” bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; trang thiết bị y tế dùng cho các cơ sở y tế;</p> <p>1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT.</p>
2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có</p>

<p>tiên</p>	<p>tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng; c) Thư chấp thuận Hồ sơ chào giá và trao hợp đồng; d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; đ) ĐKCT; e) ĐKC; g) Hồ sơ chào giá của Nhà thầu; h) Hồ sơ mời chào giá; i) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.
<p>3. Luật và ngôn ngữ</p>	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Thông báo</p>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<p>5. Ký hợp đồng thầu phụ</p>	<p>5.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong Hồ sơ chào giá. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác</p>

	<p>đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.</p> <p>5.3. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong Hồ sơ chào giá.</p>
6. Giải quyết tranh chấp	<p>6.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>6.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.</p>
7. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương IV.
8. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01 Chương III. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT .
9. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 7 ĐKC và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 8 ĐKC.
10. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	<p>10.1. Loại hợp đồng: trọn gói.</p> <p>10.2. Giá hợp đồng là trọn gói và cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.</p>

<p>11. Thuế, phí, lệ phí</p>	<p>11.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư.</p> <p>11.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.</p> <p>11.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.</p>
<p>12. Tạm ứng</p>	<p>12.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>12.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.</p>
<p>13. Thanh toán</p>	<p>13.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Điều 8 ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.</p> <p>13.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT.</p> <p>13.3. Đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>14. Quyền tác giả</p>	<p>Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.</p>

15. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng

15.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.

15.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

15.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 15.1 và Mục 15.2 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:

- a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;
- b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;
- c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;
- d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.

15.4. Các quy định tại Mục 15 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

15.5. Các quy định tại Mục 15 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi

	hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
16. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương IV; nếu tại Chương IV không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
17. Đóng gói hàng hóa	<p>17.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án.</p> <p>17.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.</p>
18. Bảo hiểm	Trừ trường hợp có quy định khác tại ĐKCT, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại ĐKCT.
19. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	<p>19.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu có) theo quy định tại ĐKCT:</p> <p>a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa;</p> <p>b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa;</p>

	<p>c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa;</p> <p>d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này;</p> <p>đ) Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa.</p> <p>19.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác.</p>
<p>20. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa</p>	<p>20.1. Nhà thầu phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra.</p> <p>20.2. Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác ở địa điểm giao hàng, và/hoặc địa điểm dự án hoặc ở bất kỳ địa điểm nào khác theo quy định tại ĐKCT. Theo quy định tại Mục 20.3 ĐKC, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác thì cán bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hỗ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; Chủ đầu tư không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hỗ trợ này.</p> <p>20.3. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại Mục 20.2 ĐKC, với điều kiện là Chủ đầu tư chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả chi phí đi lại, lưu trú.</p> <p>20.4. Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà sản xuất để Chủ đầu tư tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này.</p>

	<p>20.5. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành thử nghiệm, kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo hợp đồng, Chủ đầu tư xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng.</p> <p>20.6. Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra.</p> <p>20.7. Chủ đầu tư có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Nhà thầu phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 20.4 ĐKC.</p> <p>20.8. Việc Nhà thầu thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc Chủ đầu tư hay đại diện của Chủ đầu tư tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại Mục 20.6 ĐKC không miễn trừ cho Nhà thầu nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.</p>
<p>21. Phạt và bồi thường thiệt hại</p>	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại ĐKCT.</p>
<p>22. Bảo hành</p>	<p>22.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu.</p> <p>22.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế,</p>

	<p>vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.</p> <p>22.3. Thời hạn bảo hành và địa điểm áp dụng bảo hành quy định tại ĐKCT.</p> <p>22.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.</p> <p>22.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.</p> <p>22.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại ĐKCT, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng.</p>
<p>23. Bồi thường vi phạm sáng chế</p>	<p>23.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 23.2 ĐKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới:</p> <p>a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam;</p> <p>b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa.</p> <p>Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài</p>

	<p>mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng.</p> <p>23.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Chủ đầu tư liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 23.1 ĐKC, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan.</p> <p>23.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết.</p> <p>23.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ Nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh.</p> <p>23.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư.</p>
<p>24. Thay đổi liên quan đến pháp lý</p>	<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng hồ sơ chào giá trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết</p>

	<p>hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại Mục 10 ĐKC.</p>
<p>25. Bất khả kháng</p>	<p>25.1. Nhà thầu không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>25.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>25.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>25.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi</p>

	<p>một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>25.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p>26. Điều chỉnh hợp đồng</p>	<p>26.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư; b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; c) Thay đổi địa điểm giao hàng; d) Thay đổi dịch vụ liên quan; <p>đ) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 27 ĐKC.</p> <p>26.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 26.1 ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi, bổ sung hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.</p> <p>26.3. Trường hợp Nhà thầu cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà</p>

thầu đề xuất trong Hồ sơ chào giá và đáp ứng yêu cầu Hồ sơ mời chào giá thì Nhà thầu phải thông báo trước bằng văn bản cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.

26.4. Trường hợp cần thực hiện các dịch vụ liên quan chưa nêu trong hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu tiến hành thương thảo, bảo đảm đơn giá phù hợp giá cả thị trường.

26.5. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

26.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết;

b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu;

c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng.

26.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các chức năng cần thiết của hàng hóa:

a) Rút ngắn thời gian giao hàng;

b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;

c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của hàng hóa trong hợp đồng;

d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.

Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo

	<p>tỷ lệ quy định tại ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p>
<p>27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</p>	<p>27.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 8 ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng.</p> <p>27.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 25 ĐKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 21 ĐKC.</p>
<p>28. Chấm dứt hợp đồng</p>	<p>28.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm</p> <p>a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 27 ĐKC;</p> <p>(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa</p>

	<p>được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p> <p>28.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán</p> <p>Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.</p>
<p>29. Hạn chế xuất khẩu</p>	<p>Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu.</p>

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: <i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa.</i>
ĐKC 1.3	Nhà thầu: <i>[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].</i>
ĐKC 1.11	Địa điểm: <i>phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.</i>
ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: - <i>Hồ sơ thiết kế nội thất.</i>
ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Địa chỉ: <i>Công ty PTSC Thanh Hóa, 268 Trần Nhật Duật, phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.</i> + Điện thoại: <i>02373.900.333;</i> + Số fax: <i>02373.900.222</i> + Email: <i>Ptsethanhhoa@ptsc.com.vn</i>
ĐKC 5.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>__ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong Hồ sơ chào giá].</i>
ĐKC 6.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: <i>07 ngày kể từ ngày xảy ra tranh chấp.</i> Giải quyết tranh chấp: + Thời gian giải quyết tranh chấp: <i>Theo quy định của pháp luật hiện hành.</i> + Tổ chức giải quyết tranh chấp: <i>Tòa án Kinh tế tỉnh Thanh Hóa.</i>
ĐKC 8	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây: - <i>Hóa đơn giá trị gia tăng</i> - <i>Giấy chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hoặc nhà sản xuất</i> - <i>Giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng</i> Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.
ĐKC 11.3	Điều chỉnh thuế: <i>Được phép</i> Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
ĐKC 12.1	- <i>Tạm ứng: Không áp dụng.</i>
ĐKC 13.2	Phương thức thanh toán: - <i>Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản;</i> - <i>Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị của hợp đồng sau khi Bên B hoàn thành mọi công việc và thỏa thuận theo hợp đồng và Bên A nhận được bảo lãnh bảo hành (có giá trị =5% giá trị hợp đồng).</i> - <i>Hồ sơ thanh toán bao gồm:</i> + <i>Biên bản nghiệm thu bàn giao và lắp đặt toàn bộ hàng hóa thiết bị thuộc phạm vi hợp đồng;</i> + <i>Bản xác nhận giá trị phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;</i> + <i>Các chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất.</i> - <i>Thời hạn Bên B giao nộp hồ sơ thanh toán hợp đồng không được</i>

	<p>quá 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có).</p> <p>- Thời hạn thanh toán: 10 ngày làm việc khi Bên B nộp đầy đủ các hồ sơ theo quy định.</p>
ĐKC 17.2	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: <i>Hàng hóa thiết bị phải được đóng gói cẩn thận, chắc chắn, ghi chú rõ ràng bên ngoài bao kiện.</i>
ĐKC 18	Nội dung bảo hiểm: <i>Không yêu cầu.</i>
ĐKC 19.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: <i>Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.</i>
ĐKC 19.2	Các dịch vụ bao gồm: <i>Cung cấp, lắp đặt.</i>
ĐKC 20.1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: <i>Không áp dụng.</i>
ĐKC 20.2	Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: <i>Không áp dụng.</i>
ĐKC 21	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: <i>Áp dụng như sau:</i> <i>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 3%/tuần/giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc phần dịch vụ liên quan hoàn thành chậm cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12% giá hợp đồng. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.</i></p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: <i>Không áp dụng.</i></p>
ĐKC 22.3	<p>Thời hạn bảo hành là: <i>≥ 18 tháng kể từ ngày Bên A ký nghiệm thu hoàn thành gói thầu.</i></p> <p>Địa điểm để áp dụng bảo hành là: <i>phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa</i></p>
ĐKC 22.5 ĐKC 22.6	Thời hạn sửa chữa, thay thế là: <i>03 ngày.</i>
ĐKC 26.7 (d)	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 20% giá trị giảm giá hợp đồng.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 07

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ CHÀO GIÁ VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận Hồ sơ chào giá và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất Hội trường PTSC Thanh Hóa tại phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Bộ phận mua sắm (sau đây gọi tắt là “BPMS”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận Hồ sơ chào giá và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất Hội trường PTSC Thanh Hóa tại phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa với giá hợp đồng là _____ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, BPMS theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*];

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [*ghi thời gian ký kết hợp đồng*]; tại địa điểm ____ [*ghi địa điểm ký kết hợp đồng*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất Hội trường PTSC Thanh Hóa tại phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị nội thất Hội trường PTSC Thanh Hóa tại phường Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa và Thông báo chấp thuận Hồ sơ chào giá và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____;

- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

1. Chủ đầu tư (gọi tắt là Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT PTSC THANH HÓA.

Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa.**

Đại diện là Ông **Phạm Hùng Phương**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 268 Trần Nhật Duật – phường Trúc Lâm - thị xã Nghi Sơn - tỉnh Thanh Hóa - Việt Nam

Số Tài khoản: 0781003799754

Tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank) - Chi nhánh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801448559

Điện thoại: 0237.3900333

Fax: 0237.3900222

2. Nhà thầu (gọi tắt là Bên B):

Tên giao dịch:

Đại diện là:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Số Tài khoản:

Tại:

Mã số thuế:

Điện thoại:

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);

2. Biên bản thương thảo hợp đồng;

3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. ĐKCT của hợp đồng;
5. ĐKC của hợp đồng;
6. Hồ sơ chào giá của Bên B;
7. Hồ sơ mời chào giá của Bên A.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 13.2 ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 8 ĐKC, Hồ sơ chào giá và kết quả thương thảo hợp đồng giữa hai bên]*.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ *[ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ____ bộ, Bên A giữ ____ bộ, Bên B giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá chào giá tương ứng nêu tại Hồ sơ mời chào giá và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.